TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 38

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 849, chữ số 9 có giá trị là:

A. 90 **B.** 900 **C.** 849 **D.** 9

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 18 : ……. = 3

A. 6 **B.** 12 **C.** 3 **D.** 9

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức 45 + 8 × 2 là:

A. 54 **B.** 61 **C.** 57 **D.** 106

Câu 4. *(0,5 điểm)* Phép chia 46 : 6 có số dư là:

A. 2 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 7

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 24 đi 4 lần được:

A. 6 **B.** 96 **C.** 20 **D.** 7

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần tám (1/8) của 24 m là:

A. 3 m **B.** 192 m **C.** 5 m **D.** 16 m

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 m 7 cm = ……. cm

A. 37 **B.** 370 **C.** 307 **D.** 3007

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 10 dm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 20 dm **B.** 10 dm **C.** 40 dm **D.** 12 dm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 278 + 563 = …….

b) 830 − 561 = …….

c) 257 × 3 = …….

d) 343 : 7 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 12, 16, 20, 24, ……, …….

b) 709, 714, 719, 724, ……, …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 trăm, 0 chục, 9 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 579, 104, 468, 520, 800 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 8 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 24 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 10 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình chữ nhật.

Câu 14. *(1 điểm)* Có 54 quyển vở chia đều cho 9 bạn. Quân được chia rồi lại được cô thưởng thêm 3 quyển. Hỏi Quân có tất cả bao nhiêu quyển vở?

a) Mỗi bạn được chia: …… quyển

b) Quân có tất cả: …… quyển

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 38

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	B	B	A	A	C	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 278 + 563 = 841

b) 830 − 561 = 269

c) 257 × 3 = 771

d) 343 : 7 = 49

Câu 10.

a) Đếm thêm 4: 12, 16, 20, 24, 28, 32

b) Mỗi số hơn số trước 5 đơn vị: 709, 714, 719, 724, 729, 734

Câu 11.

a) 909

b) Số lớn nhất là 800

c) Số bé nhất là 104

d) 800 + 1 = 801

Câu 12.

a) 8 × 2 = 16 (cm)

b) 24 : 2 = 12 (dm)

c) 10 : 2 = 5 (mm)

Câu 13.

Có 3 hình nhỏ, 2 hình ghép từ 2 ô và 1 hình lớn: 6 hình chữ nhật.

Câu 14.

Mỗi bạn: 54 : 9 = 6 (quyển)

Quân có: 6 + 3 = 9 (quyển)